

Bản án số: 34/2019/HC-ST

Ngày: 29 – 11 - 2019

V/v khiếu kiện Quyết định hành chính
trong lĩnh vực đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tông

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hân

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Bích Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây
Ninh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:

Bà Huỳnh Thị Mộng Thúy - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28 và 29 tháng 11 năm 2019 tại Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công KH vụ án thụ lý số 28/2019/TLST-HC ngày 11 tháng 6 năm 2019 về "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2019/QĐXXST-HC ngày 15 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Mai Thành P, sinh năm 1958; địa chỉ: Số 01, hẻm A, đường Cách mạng Tháng Tám, khu phố A, Phường B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Tây Ninh (có văn bản xin vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân thành phố Tây Ninh: Ông Lữ Thanh T – Trường phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố T (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T. (có văn bản xin vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T

+ Ông Văn Tiến D – Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T (có văn bản xin vắng mặt).

+ Ông Lương Nguyễn Đăng D – Phó Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh T (có văn bản xin vắng mặt).

+ Ông Võ Xuân T - Phó Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh T (có mặt).

+ Ông Trần Quang K – Phó Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất T (có mặt).

2. Bà Trần Thị Đ, sinh năm 1952; địa chỉ: Số A, Khu phố B, Phường C, thành phố T tỉnh Tây Ninh (có mặt).

3. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1946; địa chỉ: Số 30A4, Khu phố A, Phường B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh, có đơn xin không tham gia tố tụng.

4. Bà Phạm Thị Nh, sinh năm 1961; địa chỉ: Số 01, hẻm 13, đường Cách mạng Tháng Tám, khu phố A, Phường B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh có đơn xin không tham gia tố tụng.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, lời KH trong quá trình giải quyết vụ án, ông Mai Thành P trình bày:

- Ngày 16/8/2010, Chủ tịch Ủy ban nhân dân (sau đây ghi tắt là UBND) tỉnh T ra Quyết định số 1533/QĐ-UBND về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa bà Trần Thị Đ với ông Đặng Minh H, công nhận phần đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của vợ chồng bà Đ, diện tích 28,4m².

- Đến ngày 20/12/2010, Chủ tịch UBND tỉnh tiếp tục ban hành quyết định số 2381/QĐ-UBND về việc điều chỉnh bổ sung Quyết định số 1533/QĐ-UBND, theo đó bổ sung thêm nội dung buộc gia đình ông H và gia đình ông Mai Thành P có trách nhiệm giao trả lại diện tích đất lấn chiếm theo đúng Trích lục bản đồ địa chính số 305/SĐ-TL/P1 ngày 27/11/2009 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thị xã T (nay là thành phố T) cho vợ chồng bà Đ.

Ngày 11/01/2019, Chủ tịch UBND thành phố T lại ký ban hành Quyết định số 45/QĐ-UBND về cưỡng chế thi hành Quyết định số 1533/QĐ-UBND ngày 16/8/2010 và Quyết định số 2381/QĐ-UBND ngày 20/12/2010 buộc ông P giao 1,0m² đất cho bà Đ. Ngày 18/01/2019, ông P đã gửi đơn khiếu nại yêu cầu thu hồi quyết định 45/QĐ-UBND nhưng UBND thành phố T bác đơn khiếu nại của ông P.

Ông P nhận thấy Quyết định số 45/QĐ-UBND ngày 11/01/2019 là trái pháp luật, xâm hại nghiêm trọng quyền, lợi ích hợp pháp của ông P, vì gia đình ông P được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02354/P1 ngày 19/7/2006 với tổng diện tích 194,2m² hợp pháp. Quyết định số 1533/QĐ-UBND ngày 16/8/2010 và Quyết định số 2381/QĐ-UBND ngày 20/12/2010 giải quyết giữa bà Đ và ông

H. Riêng gia đình ông P các cấp chính quyền không tổ chức hòa giải giữa ông P và bà Đ, bà Đ cũng không khởi kiện ông P ra Tòa án nên không có giá trị thi hành đối với gia đình ông P. Từ năm 2010 trở về trước, giữa ông P với gia đình ông H, bà Đ không có tranh chấp về ranh đất. Từ năm 1987 đến trước ngày 16-8-2010, UBND tỉnh có ban hành các quyết định về giải quyết tranh chấp giữa bà Đ và ông H, không liên quan đến ông P.

Do đó, ông P yêu cầu Tòa án hủy Quyết định hành chính số 45/QĐ-UBND ngày 11/01/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Tây Ninh về cưỡng chế thi hành Quyết định số 1533/QĐ-UBND ngày 16/8/2010 và Quyết định số 2381/QĐ-UBND ngày 20/12/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T. Ông P không đồng ý dời H công thoát nước xả từ đất bên nhà bà Đ qua đất của ông.

Người bị kiện vắng mặt nhưng có Văn bản trình bày ý kiến ngày 06/9/2019: Chủ tịch UBND thành phố T ban hành Quyết định số 45/QĐ-UBND ngày 11/01/2019 là có cơ sở nên không đồng ý hủy quyết định theo yêu cầu của ông Mai Thành P.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND thành phố T, tỉnh Tây Ninh - Ông T trình bày: Chủ tịch UBND thành phố T đã cấp cung cấp văn bản trình bày ý kiến ngày 06/9/2019 đã nộp cho Tòa án. Theo yêu cầu của ông P trình bày tại phiên tòa, là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện có ý kiến như sau: Giữ nguyên quan điểm theo Quyết định số 45/QĐ-UBND ngày 11/01/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Tây Ninh về cưỡng chế thi hành Quyết định số 1533/QĐ-UBND ngày 16/8/2010 và Quyết định số 2381/QĐ-UBND ngày 20/12/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chủ tịch UBND tỉnh T có văn bản số 2261/UBND-TD ngày 09/10/2019 có nội dung giữ nguyên nội dung Quyết định số 1533/QĐ-UBND và Quyết định số 2381/QĐ-UBND, lý do: Vụ việc đã được giải quyết đúng quy định pháp luật.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND tỉnh T - Ông Trần Quang K trình bày:* Chủ tịch UBND tỉnh T đã cấp cung cấp công văn ghi ý kiến của mình đã nộp cho Tòa án. Theo yêu cầu của ông P trình bày tại phiên tòa, là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND tỉnh có ý kiến: Giữ nguyên quan điểm theo Quyết định số 1533/QĐ-UBND ngày 16/8/2010 và Quyết định số 2381/QĐ-UBND ngày 20/12/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về giải quyết tranh chấp đất đai giữa bà Trần Thị Đ với ông Mai Thành P.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Đ trình bày:

Năm 1987, bà Đ tranh chấp đất với ông Đặng Minh H phần đất sân trước nhà có diện tích khoảng 25 m² (diện tích theo Trích lục bản đồ địa chính số: 305/SĐ-TL/P1 ngày 27/11/2009 của Văn phòng Đăng ký đất thị xã T là 28,4m²). Ngày 21/4/1988, UBND thị xã T ban hành Quyết định số 143/QĐ-UB chấp nhận phần sân trước nhà thuộc quyền sử dụng của bà Đ, không chấp nhận việc khiếu nại của ông H. Nhận quyết định ông H tiếp tục khiếu nại.

Ngày 18/12/1992, UBND tỉnh ban hành quyết định số 370/QĐ-UB công

nhận Quyết định số 143/QĐ-UB ngày 21/4/1988 của UBND thị xã T, công nhận phần đất tranh chấp trước nhà tôi diện tích 25 m². Nhận quyết định ông H tiếp tục khiếu nại.

Ngày 14/9/2000, Sở địa chính có Báo cáo số 717/BC-ĐC đề nghị UBND tỉnh thu hồi Quyết định số 370/QĐ-UB ngày 18/12/1992 của UBND tỉnh, thu hồi Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà đất của tôi, lý do: Đất đang tranh chấp, diện tích chưa chính xác, giữ nguyên hiện trạng 55,3m² làm đường công cộng. Ngày 12/8/2002, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 89/QĐ-CT, bà Đ không đồng ý nên khiếu nại với lý do đất bà Đ mua là hợp pháp, được chính quyền địa P xác nhận.

Ngày 25/5/2006, Chủ tịch UBND tỉnh Ban hành Quyết định số 35/QĐ-UBND thu hồi Quyết định số 89/QĐ-CT Ngày 12/8/2002 của UBND tỉnh, công nhận cho bà Đ được quyền sử dụng phần đất tranh chấp.

Ngày 16/8/2010, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định 1533/QĐ-UBND với nội dung: Công nhận phần đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của vợ chồng bà Đ, diện tích 28,4m². Giao cho Chủ tịch UBND thị xã T tổ chức thực hiện.

Ngày 20/12/2010, Chủ tịch UBND tỉnh T ban hành Quyết định số 2381/QĐ-UBND điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 1533/QĐ-UBND ngày 16/8/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh công nhận cho vợ chồng bà Đ được quyền sử dụng diện tích 28,4m² đất tranh chấp thuộc thửa số 181, tờ bản đồ số 75, theo Trích lục bản đồ số: 305/SĐ-TL/P1 ngày 27/11/2009 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thị xã, buộc ông Đặng Minh H và ông Mai Thành P có trách nhiệm giao lại diện tích đã lấn chiếm.

Bà Đ xác định Quyết định số 45/QĐ-UBND ngày 11/01/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Tây Ninh về cưỡng chế thi hành Quyết định số 1533/QĐ-UBND ngày 16/8/2010 và Quyết định số 2381/QĐ-UBND ngày 20/12/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh là đúng pháp luật. Do đó, bà Đ không đồng ý theo yêu cầu của người khởi kiện là ông Mai Thành P. Bà Đ đề nghị ông P dời H cống thoát nước xả từ đất bên nhà tôi qua đất của ông P.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn H (là chồng bà Trần Thị Đ) có đơn xin không tham gia tố tụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Phạm Thị Nh (là vợ ông Mai Thành P) có đơn xin không tham gia tố tụng, có lời KH thống nhất như trình bày của ông Mai Thành P.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật về tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị tạm ngừng phiên tòa để thu thập thêm chứng cứ: Kết quả hòa giải ở cơ sở về tranh chấp đất đai giữa ông P với bà Đ; ông P phải cung cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản phô tô có công chứng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử sơ thẩm vụ án hành chính thấy:

[1] Về thủ tụng tố tụng:

- Ngày 16/8/2010, Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh ra Quyết định số 1533/QĐ-UBND về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa bà Trần Thị Đ với ông Đặng Minh H, công nhận phần đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của vợ chồng bà Đ, diện tích 28,4m².

- Đến ngày 20/12/2010, Chủ tịch UBND tỉnh tiếp tục ban hành Quyết định số 2381/QĐ-UBND về việc điều chỉnh bổ sung Quyết định số 1533/QĐ-UBND, theo đó bổ sung thêm nội dung buộc gia đình ông H và gia đình ông Mai Thành P có trách nhiệm giao trả lại diện tích đất lấn chiếm theo đúng Trích lục bản đồ địa chính số: 305/SĐ-TL/P1 ngày 27/11/2009 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thị xã T (nay là thành phố T) cho bà Đ.

Ngày 11/01/2019, Chủ tịch UBND thành phố T ban hành Quyết định số 45/QĐ-UBND (sau đây ghi tắt Quyết định số 45/QĐ-UBND) về cưỡng chế thi hành Quyết định số 1533/QĐ-UBND ngày 16/8/2010 và Quyết định số 2381/QĐ-UBND ngày 20/12/2010 buộc gia đình ông Mai Thành P giao 1,0m² đất cho bà Đ.

Do không đồng ý với Quyết định số 45/QĐ-UBND nên ngày 03/6/2019, ông Mai Thành P trực tiếp nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh yêu cầu hủy Quyết định số 45/QĐ-UBND là trong thời hiệu khởi kiện quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính.

Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh đã thụ lý và đưa ra giải quyết vụ án hành chính là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3, 4 Điều 32 Luật Tổ tụng hành chính.

[2] Về nội dung:

Bà Lê Thị Đ khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất với gia đình ông Đặng Minh H từ năm 1987.

UBND thị xã T (nay là thành phố T), Chủ tịch UBND tỉnh T đã ban hành nhiều quyết định giải quyết đơn của bà Đ.

Ngày 16/8/2010, Chủ tịch UBND tỉnh T ban hành Quyết định số 1533/QĐ-UBND về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa bà Trần Thị Đ với ông Đặng Minh H. Theo quyết định: Công nhận phần đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của vợ chồng bà Trần Thị Đ, diện tích 28,4m². Đất tranh chấp với gia đình ông Đặng Minh H thuộc thửa số 181, tờ bản đồ số 75, theo đúng Trích lục bản đồ địa chính số 305/SĐ-TL/P1 ngày 25/9/2009 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thị xã T.

Đến ngày 20/12/2010, Chủ tịch UBND tỉnh tiếp tục ban hành Quyết định số 2381/QĐ-UBND về việc điều chỉnh, bổ sung một phần Điều 1, Quyết định số

1533/QĐ-UBND ngày 16/8/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh, cụ thể như sau:

"Công nhận cho vợ chồng bà Trần Thị Đ được quyền sử dụng diện tích 28,4m² đất tranh chấp thuộc thửa số 181, tờ bản đồ số 75, theo đúng Trích lục bản đồ địa chính số 305/SĐ-TL/P1 ngày 27/11/2009 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thị xã T.

Buộc gia đình ông Đặng Minh H (người đang trực tiếp sử dụng đất) và ông Mai Thành P có trách nhiệm giao lại diện tích đất lấn chiếm theo đúng Trích lục bản đồ địa chính số 305/SĐ-TL/P1 ngày 27/11/2009 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thị xã T cho vợ chồng bà Trần Thị Đ.

Các nội dung khác của Quyết định số 1533/QĐ-UBND ngày 16/8/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh vẫn giữ nguyên".

Thực hiện Quyết định số 1533/QĐ-UBND, Quyết định số 2381/QĐ-UBND, ngày 11/01/2019 Chủ tịch UBND thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh ban hành Quyết định số 45/QĐ-UBND (sau đây ghi tắt Quyết định số 45/QĐ-UBND) về cưỡng chế thi hành Quyết định số 1533/QĐ-UBND ngày 16/8/2010 và Quyết định số 2381/QĐ-UBND ngày 20/12/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh T về giải quyết tranh chấp đất đai đối với ông Mai Thành P.

Theo Quyết định số 45/QĐ-UBND thì Biện pháp cưỡng chế gồm: Buộc ông Mai Thành P tháo dỡ công trình kiến trúc, hàng rào trong phạm vi diện tích 1,0m² đất theo đúng Trích lục bản đồ địa chính số 305/SĐ-TL/P1 ngày 27/11/2009 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thị xã T để giao lại diện tích đất cho vợ chồng bà Trần Thị Đ.

Ông Mai Thành P khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 45/QĐ-UBND nên Tòa án phải xem xét đến Quyết định số 2381/QĐ-UBND, bởi lẽ chỉ có Quyết định số 2381/QĐ-UBND là có ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi hợp pháp của ông Mai Thành P. Xét thấy:

- Về trình tự khởi kiện, hòa giải:

Quyết định số 2381/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh T giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà Trần Thị Đ với ông Mai Thành P nhưng trước đó bà Trần Thị Đ không có đơn khởi kiện ông Mai Thành P nên sự việc tranh chấp quyền sử dụng đất này không được UBND Phường 1, thành phố Tây Ninh tổ chức hòa giải theo quy định tại Điều 135 Luật Đất đai 2003, Điều 202 Luật Đất đai 2013.

Tại Công văn số 1168/UBND ngày 27/11/2019 của UBND thành phố T đã xác định: Theo hồ sơ lưu trữ, UBND thành phố không có đơn khởi kiện của bà Trần Thị Đ đối với ông Mai Thành P về việc tranh chấp quyền sử dụng đất và Biên bản hòa giải tranh chấp đất đai của Ủy ban nhân dân Phường A, thành phố T, tỉnh Tây Ninh theo đơn khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất của bà Trần Thị Đ đối với ông Mai Thành P. Do đó, UBND thành phố không cung cấp cho Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Về thẩm quyền giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân

dân:

Trường hợp hòa giải không thành, còn có tranh chấp thì thẩm quyền giải quyết lần đầu thuộc UBND thị xã T (nay là thành phố T) nhưng UBND thành phố T chưa có lần nào ban hành quyết định giải quyết việc tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà Trần Thị Đ với ông Mai Thành P.

Điều 160 của Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật đất đai quy định về thẩm quyền giải quyết tranh chấp đất đai trong trường hợp các bên tranh chấp không có giấy tờ về quyền sử dụng đất như sau:

"Tranh chấp đất đai trong trường hợp các bên tranh chấp không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc không có một trong các loại giấy tờ quy định tại các khoản 1, 2 và 5 Điều 50 của Luật Đất đai thì các bên tranh chấp gửi đơn đến cơ quan hành chính để được giải quyết. Cơ quan hành chính các cấp giải quyết tranh chấp đất đai theo quy định sau:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh giải quyết đối với tranh chấp đất đai giữa hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư với nhau.

Trường hợp không đồng ý với quyết định giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì các bên tranh chấp có quyền gửi đơn xin giải quyết tranh chấp đất đai đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; quyết định giải quyết tranh chấp đất đai của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương là quyết định giải quyết cuối cùng.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương giải quyết đối với tranh chấp đất đai giữa tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài với nhau hoặc giữa tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư.

Trường hợp không đồng ý với quyết định giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thì các bên tranh chấp có quyền gửi đơn xin giải quyết tranh chấp đất đai đến Bộ Tài nguyên và Môi trường; quyết định giải quyết tranh chấp đất đai của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường là quyết định giải quyết cuối cùng.

Như vậy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T giải quyết tranh chấp đất đai lần đầu giữa hộ gia đình, cá nhân là sai về thẩm quyền nhưng khi ông Mai Thành P khiếu nại Quyết định số 2381/QĐ-UBND nhưng chưa được Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường giải quyết thì Chủ tịch UBND thành phố T, tỉnh Tây Ninh ban hành quyết định cưỡng chế.

- Về thẩm quyền giải quyết tranh chấp đất đai giữa bà Trần Thị Đ với ông Mai Thành P là thuộc trách nhiệm của UBND hay Tòa án nhân dân:

Phần đất ông Mai Thành P đang sử dụng đã được cấp Giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất số H02354/P1 ngày 19-7-2006 với tổng diện tích 194,2m². Tại báo cáo số 112/BC-UBND ngày 18/5/2012 của UBND thị xã T (nay là thành phố T) thì đo đạc thực tế đất ông Mai Thành P có diện tích là 184,1m². Như vậy, 1m² đất ông P phải giao thuộc trường hợp đất tranh chấp đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì thẩm quyền giải quyết tranh chấp thuộc về Tòa án nhân dân.

Do vi phạm về trình tự, thẩm quyền giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất nên cần phải hủy một phần Quyết định số 2381/QĐ-UBND về nghĩa vụ của gia đình ông Mai Thành P phải giao trả 1,0 m² đất cho bà Đ. Từ đó phải hủy Quyết định số 45/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị tạm ngừng phiên tòa để thu thập thêm chứng cứ về hòa giải ở cơ sở về tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông P và bà Đ, thấy rằng tại Công văn số 1168/UBND ngày 27/11/2019 của UBND thành phố T đã xác định hồ sơ lưu giữ không có nên không phải thu thập. Mặt khác, phần đất ông Mai Thành P đang sử dụng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên không phải tạm dừng phiên tòa.

[3] Về án phí hành chính sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của ông Mai Thành P được chấp nhận nên người bị kiện Chủ tịch UBND thành phố T phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 32, điểm b khoản 2 Điều 193; Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ vào Điều 135, 136 Luật Đất đai 2003; Điều 202, 203 Luật Đất đai 2013; Điều 160 của Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Mai Thành P.

Tuyên hủy một phần Quyết định số 2381/QĐ-UBND ngày 20/12/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T về phần buộc ông Mai Thành P có trách nhiệm giao lại diện tích đất lấn chiếm theo đúng Trích lục bản đồ địa chính số 305/SĐ-TL/P1 ngày 27/11/2009 của Văn phòng đăng ký đất đai thị xã T cho vợ chồng bà Trần Thị Đ (diện tích 1,0 m²).

Hủy Quyết định số 45/QĐ-UBND ngày 11/01/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

Buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật;

2. Về án phí hành chính sơ thẩm: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Tây Ninh phải chịu 300.000 đồng.

Quyền kháng cáo: Ông Mai Thành P, bà Trần Thị Đ có quyền kháng cáo bản án hành chính sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt được kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Cục THADS tỉnh TN;
- Phòng KTNV&THA tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tông